

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **2331** / STC-QLNS

Quảng Trị, ngày **09** tháng **7** năm 2021

V/v báo cáo công khai tình hình
thực hiện dự toán thu, chi
NSDP 06 tháng năm 2021

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Căn cứ thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 404/UBND-TM ngày 31/01/2018 về việc công khai ngân sách theo Luật NSNN 2015.

Sở Tài chính báo cáo công khai và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương 06 tháng năm 2021. *sc*

(Báo cáo công khai và thuyết minh kèm theo).

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tin học tỉnh (để đăng trang web);
- Giám đốc, các PGĐ;
- Văn phòng (để đăng trang web);
- Lưu: VT, QLNS.

GIÁM ĐỐC



Lê Thị Thanh

**BÁO CÁO CÔNG KHAI THUYẾT MINH
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSĐP 06 THÁNG NĂM 2021**

(Kèm theo Công văn số: /STC-QLNS ngày / /2021 của Sở Tài chính)

Căn cứ thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Căn cứ Nghị Quyết số 87/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ ngân sách địa phương năm 2021. Quyết định số 3628/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021 cho các Sở, Ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh; 3629/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 cho các huyện, thị xã, thành phố.

Trên cơ sở tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2021, Sở Tài chính thực hiện công khai thuyết minh tình hình dự toán thu, chi ngân sách địa phương 06 tháng năm 2021 như sau:

1. Về thu ngân sách:

Tổng thu ngân sách trên địa bàn đến ngày 30/6/2021 là: 2.646,251 tỷ đồng/DT 3.450 tỷ đồng, đạt 76,7% dự toán địa phương và 92,5% dự toán Trung ương, bằng 172,9% cùng kỳ năm 2020; Trong đó:

- Thu nội địa: 1.801,163 tỷ đồng/DT 2970 tỷ đồng, đạt 60,6% dự toán địa phương và đạt 75,6% dự toán Trung ương, bằng 134,2% cùng kỳ năm 2020; Trong đó:

+ Ngân sách địa phương hưởng: 1.613,08 tỷ đồng, đạt 63% dự toán địa phương và đạt 79,8% dự toán Trung ương, bằng 135,5 % cùng kỳ năm 2020. Loại trừ khoản thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết thì thu ngân sách địa phương đưa vào cân đối là 967,067 tỷ đồng/DT 1.600,7 tỷ đồng, đạt 60,4% dự toán địa phương, đạt 65,2% dự toán Trung ương, bằng 142,1% cùng kỳ năm 2020.

+ Ngân sách cấp tỉnh hưởng: 793,964 tỷ đồng/DT 1.605,09 tỷ đồng, đạt 49,5% dự toán địa phương. Loại trừ khoản thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết và các khoản cấp lại thu nội địa ngân sách cấp tỉnh hưởng: 547,671 tỷ đồng/DT 1.041,09 tỷ đồng, đạt 52,61% dự toán địa phương.

- Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu: 838,227 tỷ đồng/DT 480 tỷ đồng, đạt 174,6% dự toán địa phương, đạt 174,6% dự toán Trung ương và bằng 550,1% so với cùng kỳ 2020.

2. Về chi ngân sách:

Dự toán ngân sách năm 2021, cơ bản đáp ứng được những nhu cầu chi thiết yếu của các sở, ngành, các huyện, thành phố, thị xã và dành nguồn tài

chính hợp lý để đảm bảo nguồn lực tài chính đáp ứng được nhiệm vụ quan trọng của địa phương, đặc biệt là công tác phòng, chống dịch bệnh lâu dài và thực hiện các chính sách về an sinh xã hội.

Tổng chi ngân sách địa phương đến ngày 30/6/2021: 3.843,523 tỷ đồng/DT 9.161,970 tỷ đồng, đạt 42% dự toán địa phương và 45% dự toán Trung ương, bằng 95% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

* Chi cân đối ngân sách: 2.616,051 tỷ đồng đạt 40% dự toán địa phương và 43% dự toán Trung ương, bằng 91% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi đầu tư phát triển: 356,158 tỷ đồng/DT 1.400,71 tỷ đồng, đạt 25% dự toán địa phương và 34% dự toán Trung ương và bằng 82% cùng kỳ năm trước.

- Chi thường xuyên: 2.259,365 tỷ đồng / DT 4.874,521 tỷ đồng, đạt 46% so với dự toán địa phương và 46% dự toán Trung ương, bằng 92% so với cùng kỳ năm trước; Trong đó: Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề đạt 45% dự toán; sự nghiệp khoa học công nghệ đạt 55% dự toán; sự nghiệp bảo vệ môi trường đạt 38% dự toán địa phương, cơ bản thực hiện sự chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và UBND tỉnh; các cơ quan, đơn vị đã tập trung triển khai các nhiệm vụ trọng tâm được giao để đảm bảo hoàn thành kế hoạch chỉ tiêu năm 2021.

Chi thường xuyên ngân sách điều hành trong phạm vi dự toán được giao, trên cơ sở tiêu chuẩn, chế độ định mức quy định. Song song với quản lý chi ngân sách chặt chẽ, tiết kiệm và hiệu quả thì ngân sách địa phương đáp ứng được các khoản chi thường xuyên đảm bảo cho hoạt động của bộ máy như chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ; đảm bảo chi trợ cấp cho các đối tượng chính sách xã hội và các khoản chi thiết yếu khác theo dự toán được giao.

Việc quản lý, sử dụng nguồn dự phòng ngân sách theo khả năng tiến độ thu ngân sách. Quản lý, sử dụng dự phòng NSDP theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và chủ động sử dụng dự phòng ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và các nhiệm vụ chi quan trọng, cấp bách, đột xuất phát sinh theo quy định.

* Chi chương trình mục tiêu, nhiệm vụ ngân sách Trung ương hỗ trợ cân đối có mục tiêu cho ngân sách địa phương: 475,061 tỷ đồng/ DT 2.488,766 tỷ đồng đạt 19% dự toán địa phương và 19% dự toán Trung ương, bằng 80% so với cùng kỳ năm trước. Đối với công tác giải ngân vốn đầu tư, UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 31/3/2021 về việc đẩy mạnh thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công công năm 2021. Tuy nhiên, tỷ lệ giải ngân các nguồn vốn được giao trong kế hoạch năm 2021 của tỉnh còn thấp, đặc biệt tỷ lệ giải ngân nguồn vốn của các dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài nguyên nhân do vốn đầu tư từ nguồn vốn nước ngoài chiếm 50% dự toán giao (1.113.852 trđ/ dự toán là 2.488.766 trđ), các dự án chưa thực hiện ghi thu ghi chi, hoặc đã giải ngân nhưng chưa thực hiện ghi thu ghi chi vào ngân sách.

(Chi tiết các Biểu số 59,60,61 kèm theo)

Trên đây là tổng hợp tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 06 tháng năm 2021, Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị trân trọng báo cáo./

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG NĂM 2021

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	3.450.000	4.689.126	136%	306%
I	Thu cân đối NSNN	3.450.000	2.646.254	77%	173%
1	Thu nội địa	2.970.000	1.801.165	61%	134%
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	480.000	838.227	175%	550%
4	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		2.042.872		
B	TỔNG CHI NSĐP	9.161.970	3.843.523	42%	95%
I	Chi cân đối NSĐP	6.552.416	2.616.051	40%	91%
1	Chi đầu tư phát triển	1.400.710	356.158	25%	82%
2	Chi thường xuyên	4.874.521	2.259.365	46%	109%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	4.100	528	13%	0%
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000			
5	Dự phòng ngân sách	190.964			
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSĐP	2.488.766	475.061	19%	98%
C	BỘI CHI NSĐP/BỘI THU NSĐP	107.600			
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	30.300			

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG NĂM 2021

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	3.450.000	2.646.254	76,7%	172,9%
I	Thu nội địa	2.970.000	1.801.165	60,6%	134,2%
1	Thu từ khu vực DNNN	275.000	116.573	42,4%	120,2%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	32.800	30.657	93,5%	196,6%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	742.000	406.044	54,7%	138,4%
4	Thuế thu nhập cá nhân	90.000	98.214	109,1%	149,6%
5	Thuế bảo vệ môi trường	500.000	224.842	45,0%	121,8%
6	Lệ phí trước bạ	150.000	118.096	78,7%	158,8%
7	Thu phí, lệ phí	72.600	42.657	58,8%	122,5%
8	Các khoản thu về nhà, đất	948.100	662.683	69,9%	132,1%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		11		10,0%
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5.000	2.942	58,8%	174,9%
-	Thu tiền sử dụng đất	920.000	623.717	67,8%	127,0%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	23.000	35.720	155,3%	410,6%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	100	293	293,0%	315,1%
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	15.000	10.335	68,9%	154,7%
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	5.500	5.708	103,8%	1621,6%
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	40.000	22.296	55,7%	117,1%
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	7.000	5.320	76,0%	221,3%
13	Thu khác ngân sách	92.000	57.740	62,8%	122,8%
II	Thu từ dầu thô				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	480.000	838.227	174,6%	550,1%
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	360.000	784.554	217,9%	734,2%
2	Thuế xuất khẩu	100.000	22.755	22,8%	59,2%
3	Thuế nhập khẩu	20.000	17.817	89,1%	303,0%
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu		10.036		
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu		1		
6	Thu khác		3.064		248,9%
IV	Thu viện trợ				
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	2.560.700	1.620.026	63,3%	132,7%
1	Từ các khoản thu phân chia	1.263.440	693.246	54,9%	135,0%
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	1.297.260	926.780	71,4%	131,1%

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG NĂM 2021

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ 06 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
	TỔNG CHI NSDP	9.161.970	3.843.523	42%	95%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	6.552.416	2.616.051	40%	91%
I	Chi đầu tư phát triển	1.400.710	356.158	25%	82%
1	Chi đầu tư cho các dự án	1.400.710	356.158	25%	82%
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	4.874.521	2.259.365	46%	109%
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.222.479	992.411	45%	107%
2	Chi khoa học và công nghệ	21.839	12.085	55%	219%
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình				
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	68.206	26.189	38%	
8	Chi sự nghiệp kinh tế				
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể				
10	Chi bảo đảm xã hội				
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	4.100	528	13%	0%
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000			
V	Dự phòng ngân sách	190.964			
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	2.488.766	475.061	19%	98%
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	2.176.705	412.602	19%	140%
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	312.061	62.459	20%	76%

Ghi chú: Trong tổng chi NS địa phương quản lý bao gồm chi chuyển nguồn XDCB ngân sách tỉnh, huyện